TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST Ngày 29-9-2023 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Hằng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dư Văn Thanh

Bà Nguyễn Bạch Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm Sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Kim H, sinh năm: 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: Đường L, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Minh T, sinh năm: 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: Đường H, Khóm D, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim H; Địa chỉ: Đường L, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

2. Bà Dương Thị U; Địa chỉ: Đường H, Khóm D, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 16 tháng 6 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị Kim H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Đoàn Minh T có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 5, thị xã Sóc Trăng (nay là thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng và

được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số: I/2004, ngày 18/11/2004. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2022, ông T bị té xe và Bà H phát hiện ông Đoàn Minh T có mối quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác nên giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, ông bà chưa có gửi đơn yêu cầu địa phương hoà giải cũng như không có nộp đơn yêu cầu Toà án nào giải quyết ly hôn cho ông bà. Nay Bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên xin ly hôn với ông T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông bà có 03 người con chung tên: Đoàn Minh Th, sinh ngày 27/6/2005; Đoàn Minh V, sinh ngày 23/9/2007; Đoàn Gia H, sinh ngày 14/4/2015. Sau khi ông bà ly thân, cháu Đoàn Minh Th và cháu Đoàn Minh V do ông Đoàn Minh T nuôi dưỡng, còn cháu Đoàn Gia H do bà Trương Thị Kim H nuôi dưỡng. Vào thời điểm Bà H nộp đơn khởi kiện thì cháu Đoàn Minh Th chưa đủ 18 tuổi nên Bà H yêu cầu giao cháu Đoàn Minh Th và cháu Đoàn Minh V cho ông Đoàn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đoàn Gia H cho bà Trương Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi. Tại phiên Tòa, do cháu Thư đã đủ 18 tuổi và hiện đang sống cùng với Bà H nên Bà H không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên không xem xét. Bà H chỉ yêu cầu giao cháu Đoàn Minh V cho ông Đoàn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đoàn Gia H cho bà Trương Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi, Bà H và ông T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Theo bà H, sau khi bà và ông T kết hôn thì sống tại nhà mẹ ruột Bà H tên Nguyễn Thị Kim H, địa chỉ đường L, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Đến năm 2016, do căn nhà này bị sập nên bà H, ông T và bà H1 có cùng nhau đóng góp tiền để sửa chữa lại để gia đình ông bà và bà H1 cùng ở. Tuy nhiên, chi phí sửa nhà bao nhiêu thì Bà H không nhớ và nguồn tiền để sửa chữa nhà là do bà H, ông T, bà H1, ông Trương Văn Phát đóng góp số tiền 7.000.000 đồng và Trương Văn Trường chịu chi phí thi công toàn bộ điện nước trong nhà. Việc ông T cho rằng ông mượn của mẹ ruột tên Dương Thị U số tiền 20.000.000 đồng để sửa nhà đến nay vẫn chưa trả, việc mượn tiền có sự đồng ý của Bà H là không đúng sự thật. Từ khi sửa nhà đến nay, Bà H cũng không nghe ông T và bà U nói gì đến số tiền này. Do đó, việc ông T yêu cầu Bà H trả cho ông T số tiền 20.000.000 đồng để ông T trả lại cho bà U thì Bà H không đồng ý.

*** Ý kiến của bị đơn ông Đoàn Minh T:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: ông Đoàn Minh T thống nhất với lời trình bày của Bà H về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do Bà H hay ghen tuông vô cớ. Do đặc thù công việc của ông T là làm tài xế xe bồn cho Công ty Hùng Phát, phải chạy đêm để đổ bê tông cho các công trình nên thường xuyên làm xuyên đêm không về nhưng Bà H không hiểu và thông cảm cho ông mà còn đến công ty ông T làm kiếm ông và gây rối chỗ ông làm việc. Việc Bà H trình bày ông T có mối quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác là không đúng sự thật. Từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, ông bà chưa có gửi đơn yêu cầu địa

phương hoà giải cũng như không có nộp đơn yêu cầu Toà án nào giải quyết ly hôn cho ông bà. Nay Bà H xin ly hôn thì ông T cũng đồng ý vì vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung.

- *Về con chung:* Vợ chồng bà H, ông T có ba người con chung gồm: Đoàn Minh Th, sinh ngày 27/06/2005; Đoàn Minh V, sinh ngày 23/09/2007; Đoàn Gia H, sinh ngày 14/04/2015. Ông T thống nhất với lời trình bày của Bà H là sau khi ông bà ly thân, cháu Đoàn Minh Th và cháu Đoàn Minh V do ông Đoàn Minh T nuôi dưỡng, còn cháu Đoàn Gia H do bà Trương Thị Kim H nuôi dưỡng. Hiện nay cháu Thư đã đủ 18 tuổi và đang sống cùng với Bà H nên ông T thống nhất với Bà H không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên không xem xét. Ông T đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Minh V và giao cháu Đoàn Gia H cho bà Trương Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi, Bà H và ông T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: sau khi ông bà kết hôn thì sống tại nhà mẹ ruột Bà H tên Nguyễn Thị Kim H, địa chỉ đường L, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian chung sống bên gia đình bà H, vào năm 2016, ông Đoàn Minh T có đóng góp số tiền 67.000.000 đồng để sửa chữa lại căn nhà của bà H1 để gia đình ông và bà H1 cùng ở (Số tiền này ông T không đưa trực tiếp cho Bà H mà là ông T trả tiền công thợ, tiền vật tư, ông T cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là ông T đã bỏ ra số tiền 67.000.000 đồng này). Theo ông T, nguồn tiền này là do ông mượn của mẹ ruột tên Dương Thị U số tiền 20.000.000 đồng và mượn một số anh em khác với tổng số tiền 47.000.000 đồng (*việc mượn tiền chỉ nói miệng, không có làm biên nhận, cũng không có ai biết, chứng kiến, ông T là người trực tiếp nhận tiền)*. Tính đến nay, ông còn nợ lại bà U số tiền 20.000.000 đồng, mặc dù, việc mượn tiền bà U không có làm biên nhận nhưng trước khi mượn tiền, ông T với Bà H có bàn bạc với nhau và thống nhất việc mượn tiền như trên. Nay ông Đoàn Minh T, yêu cầu Bà H phải trả lại cho ông số tiền 20.000.000 đồng mà ông đã đóng góp để sửa chữa lại căn nhà của bà H1 để ông T trả lại cho bà U. Tuy nhiên ông T không làm đơn khởi kiện để yêu cầu Toà án giải quyết trong cùng vụ án này.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị Kim H:

Bà H1 không có yêu cầu độc lập. Bà H1 không đồng ý với lời trình bày của ông T. Theo bà H1 sau khi vợ chồng ông T và Bà H kết hôn thì về ở cùng với bà tại số 33/36 đường Lê Hồng Phong, Khóm 6, Phường 3, thành phố Sóc Trăng. Từ khi vợ chồng ông T và Bà H về sống cùng với bà vào năm 2004 cho đến khi xảy ra tranh chấp thì vợ chồng ông T và Bà H không có đóng góp gì cho bà H1 để ở cùng hết, mà bà H1 còn phải phụ giúp kinh tế cho vợ chồng ông T và Bà H chăm con. Vào khoản năm 2016, thì căn nhà của bà H1 bị xuống cấp trầm trọng và bị sập ở nhà trước nên bà H1 cùng vợ chồng ông T, Bà H và những người con khác của bà H1 đóng góp tiền để sửa chữa lại nhà để ở. Do kinh tế khó khăn nên có bao nhiêu tiền thì ông, bà sửa chữa bấy nhiêu, việc sửa chữa nhà được thực hiện nhiều lần nên bà H1 cũng không nhớ rõ chi phí đã bỏ ra để sửa nhà hết bao nhiêu tiền. Cụ thể, bà H1 đã lợp lại mái nhà, xây tường, lát gạch nhà trước,… Tuy nhiên, việc ông T, cho rằng ông đã bỏ ra số tiền 67.000.000 đồng để sửa chữa lại căn nhà của bà H1 là không

đúng sự thật. Ngoài ra, việc ông T cho rằng có mượn của mẹ ruột là bà Dương Thị U số tiền 20.000.000 đồng để sửa nhà của bà H1 thì bà H1 không biết vì từ trước đến nay, bà H1 không nghe ông T nói đến. Bà H1 cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với số tiền 20.000.000 đồng này.

Ý kiến của bà Dương Thị U tại Tờ tường trình ngày 28/8/2023: Vợ chồng bà H, ông T có mượn của bà U số tiền 20.000.000 đồng để chi phí sửa chữa nhà của bà Nguyễn Thị Kim H (mẹ ruột bà H) tại số 33/36 đường Lê Hồng Phong, Khóm 6, Phường 3, thành phố Sóc Trăng. Tuy nhiên, bà U không yêu cầu Toà án giải quyết trong cùng vụ án này.

- *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:*

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 72, 73 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị Kim H và ông Đoàn Minh T; Về con chung, công nhận sự thỏa thuận giữa Bà H và ông T giao cháu Đoàn Minh V, sinh ngày 23/9/2007 cho ông Đoàn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đoàn Gia H, sinh ngày 14/4/2015 cho bà Trương Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi. Bà H và ông T không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Đoàn Minh Th, sinh ngày 27/6/2005 đã đủ 18 tuổi, Bà H và ông T không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: bà Trương Thị Kim H và ông T trình bày không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về nợ: Do ông T, bà U không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên trong cùng vụ án này do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Nguyên đơn bà Trương Thị Kim H khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Đoàn Minh T; địa chỉ Đường H, Khóm D, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn",

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Tại phiên toà, Bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể theo đơn khởi kiện Bà H yêu cầu giao cháu Đoàn Minh Th, sinh ngày 27/6/2005 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, Bà H không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên toà, cháu Thư đã đủ 18 tuổi nên Bà H không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Bà H không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ Luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Kim H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Trương Thị Kim H và ông Đoàn Minh T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 11 năm 2004 trên cơ sở tự nguyện theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94, Quyển số 1/2004, do Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp. Tại thời điểm kết hôn Bà H và ông T đủ điều kiện kết hôn và thực hiện việc đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa ông, bà được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, Bà H và ông T có thời gian chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Bà H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống, ông T không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên cải nhau. Ông T cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống và Bà H ghen tuông vô cớ. Ông, bà đã sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa, Bà H và ông T thống nhất thuận tình ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị Kim H và ông Đoàn Minh T.

[5]. Về con chung: bà Trương Thị Kim H trình bày, ông, bà có 03 người con chung tên Đoàn Minh Th, sinh ngày 27/6/2005; Đoàn Minh V, sinh ngày 23/9/2007; Đoàn Gia H, sinh ngày 14/4/2015. Sau khi ly hôn, Bà H yêu cầu giao cháu Đoàn Minh V, sinh ngày 23/9/2007 cho ông Đoàn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đoàn Gia H, sinh ngày 14/4/2015 cho bà Trương Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi. Ông Đoàn Minh T thống nhất với lời trình bày của Bà H và đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Minh V và giao cháu Đoàn Gia H cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Đoàn Minh V ngày 05/9/2023 (bút lục 27) thì cháu V có nguyện vọng sống cùng với cha là ông Đoàn Minh T và tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Đoàn Gia H ngày 18/7/2023 (bút lục 28) thì cháu H có nguyện vọng sống cùng với mẹ là bà Trương Thị Kim H. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con của ông, bà là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu V và cháu H,

cũng như phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; ..., nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét, nguyện vọng của con*" nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của ông, bà, giao cháu Đoàn Minh V cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đoàn Gia H cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Đối với cháu Đoàn Minh Th, sinh ngày 27/6/2005 đã đủ 18 tuổi nên bà H, ông T không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà Trương Thị Kim H và ông T tự thoả thuận không ai phải cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi"* và khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở".* Do đó, ông Đoàn Minh T và bà Trương Thị Kim H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[7]. Về tài sản chung: Bà Trương Thị Kim H và ông Đoàn Minh T tự khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8]. Về nợ: Bà Trương Thị Kim H trình bày vợ chồng ông bà không có nợ chung. Ngược lại, ông T cho rằng, vợ chồng ông bà có mượn của mẹ ruột ông T (bà Dương Thị U) số tiền 20.000.000 đồng để sửa chữa lại căn nhà của bà Nguyễn Thị Kim H (mẹ ruột bà H) nên đề nghị Bà H trả cho ông T số tiền này để ông T trả lại cho bà U. Hội đồng xét xử xét thấy, Toà án đã thông báo cho ông T và bà U làm đơn khởi kiện để yêu cầu Toà án giải quyết khoản nợ trên nhưng ông T và bà U không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên trong cùng vụ án này do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9]. Như đã phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10]. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Do các đương sự đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn nên các đương sự chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn. Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Trương Thị Kim H phải chịu số tiền 75.000 đồng và bị đơn ông Đoàn Minh T phải chịu án phí ly hôn số tiền 75.000 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim H.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị Kim H và ông Đoàn Minh T.

- Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Trương Thị Kim H và ông Đoàn Minh T, giao cháu Đoàn Minh V, sinh ngày 23/9/2007 cho ông Đoàn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đoàn Gia H, sinh ngày 14/4/2015 cho bà Trương Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi. Bà Trương Thị Kim H và ông Đoàn Minh T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đoàn Minh T và bà Trương Thị Kim H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không bị ai cản trở.

Đối với con chung tên Đoàn Minh Th, sinh ngày 27/6/2005 đã đủ 18 tuổi, Bà H và ông T không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Trương Thị Kim H và ông Đoàn Minh T tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ: Bà Trương Thị Kim H trình bày không có nợ chung nhưng ông Đoàn Minh T cho rằng có nợ bà Dương Thị U số tiền 20.000.000 đồng. Ông T yêu cầu Bà H trả cho ông T số tiền này để ông T trả lại cho bà U. Tuy nhiên, ông Đoàn Minh T và bà Dương Thị U không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên trong cùng vụ án này do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn:

Bà Trương Thị Kim H phải chịu án phí ly hôn số tiền là 75.000 đồng (bằng chữ: bảy mươi lăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008829, ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho bà Trương Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 225.000 đồng.

Ông Đoàn Minh T phải chịu án phí ly hôn số tiền 75.000 đồng.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND Phường 5, TPST;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Kim Hằng